

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 06/2024/HS-ST

Ngày: 01/02/2024

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự Soái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Trung Thiêng;

Ông Nguyễn Trường Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Khánh Vy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện D.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hà- Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: **92/2023/TLST-HS** ngày 20 tháng 12 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **06/2024/QĐXXST-HS** ngày 08 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Phạm Văn T, sinh ngày 10 tháng 5 năm 2007 tại: huyện D, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: thôn C, xã S, huyện D, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 5/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông không rõ và bà Phạm Thị H, sinh năm 1970; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 12/9/2021, bị Công an xã S xử phạt hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Ngày 20/10/2021, bị Công an xã T xử phạt hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Ngày 12/12/2021, bị Công an xã S xử phạt hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Ngày 22/12/2021, bị Ủy ban nhân dân xã S Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường thời hạn 06 tháng về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/10/2023 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện D; có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo: Bà **Phạm Thị H**, sinh năm 1970; trú tại: thôn C, xã S, huyện D, tỉnh Quảng Nam (là mẹ ruột bị cáo T); có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà **Nguyễn Thị Thu V**- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Nam; có mặt.

- Người bị hại: Bà **Phạm Thị Th**, sinh năm 1969; trú tại: thôn L, xã S, huyện D, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông **Võ H**, sinh năm 2000; trú tại: thôn Đ, xã T, huyện D, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.
2. Ông **Nguyễn Trường M**, sinh năm 1979; trú tại: thôn T, xã S, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.
3. Bà **Võ Thị B**, sinh năm 1963; trú tại: thôn T, xã S, huyện D, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.
4. Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1962; trú tại: thôn T, xã S, huyện D, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.
5. Ông **Nguyễn B**, sinh năm 1968; trú tại: thôn C, xã S, huyện D, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.
6. Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1955; trú tại: thôn C, xã S, huyện D, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.
7. Ông **Võ V**, sinh năm 1972; trú tại: thôn Đ, xã T, huyện D, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông **Lưu Đức N**, sinh năm 1976; trú tại: thôn P, xã S, huyện D, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.
3. Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1991; trú tại: thôn T, xã S, huyện D, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 14/9/2023, bà Phạm Thị Th điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen BKS 92F1-497.09 đến nhà bà Phạm Thị H (*trú thôn C, xã S, huyện D, tỉnh Quảng Nam là em ruột của bà Th*) để thăm chơi. Đến nơi, bà Th để xe ở ngoài sân và có cắm chìa khóa trên xe rồi đi vào bên trong nhà nói chuyện với bà H. Lúc này, Phạm Văn T (*là con ruột của Phạm Thị H*) cũng đang ở nhà nhìn thấy xe mô tô BKS 92F1-497.09 có sẵn chìa khóa trên xe nên nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe trên để làm phương tiện đi lại phục vụ cho bản thân. Sau đó, T đi vào nhà lấy áo khoát rồi đi ra sân dắt xe mô tô BKS 92F1-497.09 đi ra khỏi cổng một đoạn rồi nổ máy điều khiển xe chạy ra thành phố Đà Nẵng đến ngày 23/9/2023 thì bị phát hiện.

Ngoài ra, quá trình điều tra còn xác định trong khoảng thời gian từ ngày 03/9/2023 đến ngày 09/9/2023, lợi dụng sự sơ hở của các chủ sở hữu trong việc trông coi tài sản Phạm Văn T còn thực hiện hành vi trộm cắp như sau:

- Vào khoảng 22 giờ 00 phút ngày 03/9/2023, Phạm Văn T lén lút thực hiện hành vi trộm cắp 05 bao lúa tươi, loại giống lúa Bắc Thịnh được đựng trong bao tải loại 100x60 của bà Nguyễn Thị T đang để trên đường bê tông ĐH8 thuộc thôn T, xã S rồi đem cất giấu ở vị trí cách đó 200m. Đến sáng ngày 04/9/2023, T thuê ông Nguyễn B chở 05 bao lúa trên đến nhà bà Nguyễn Thị H bán cho bà H với giá 1.280.000 đồng.

- Vào ngày 07/9/2023, T rủ Võ H cùng tham gia đi trộm cắp tài sản, H đồng ý. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, H điều khiển xe mô tô BKS 43S3-0444 (*xe này do cha ruột H là ông Võ V là chủ sở hữu*) chở T đi trên đường ĐH8 thuộc thôn T để tìm xem có ai để lúa ngoài đường thì trộm cắp. Sau đó, cả hai phát hiện đồng lúa của ông Nguyễn Trường M đang để ngoài đường nên cả hai chở 05 bao lúa tươi, loại giống lúa

Bắc Thịnh được đựng trong bao tải loại 100x60 đem đi cất giấu rồi đi về nhà ngủ. Đến sáng ngày 08/9/2023, cả hai quay lại chỗ cất giấu lúa để chở lúa đi bán thì thấy ông M và lực lượng Công an phát hiện lúa bị mất nên cả hai đi về.

- Khoảng 01 giờ 00 ngày 09/9/2023, Phạm Văn T và Võ H rủ nhau đi trộm cắp tài sản. Sau đó, T điều khiển xe mô tô BKS 43S3-0444 chở H đi đến khu vực đồng Cả thuộc thôn T, xã S, huyện D. Khi cả hai đi ngang qua quán nhậu Beer A thuộc thôn T thì T phát hiện có đồng lúa của bà Võ Thị B đang để trong sân quán này nên cả hai lên lút đi vào vác 02 bao lúa khô, loại giống lúa Bắc Thịnh được đựng trong bao tải loại 100x60 để lên phía trước xe rồi cả hai chở đi cất giấu trong bụi cỏ cách đó khoảng 200m. Sau đó, cả hai tiếp tục quay lại vị trí đồng lúa của bà B để trộm thì bị người dân phát hiện tri hô nên cả hai để lại xe mô tô BKS 43S3-0444 và bỏ chạy.

Quá trình điều tra, Phạm Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 38/KLĐG-HĐĐGTS ngày 12/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện D kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu sơn đen, vành đúc, phanh đĩa, có BKS 92F1-497.09 mua vào năm 2020 bị trộm cắp vào ngày 14/9/2020 có giá trị 16.342.000 đồng.

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 31/KLĐG-HĐĐGTS ngày 29/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện D kết luận:

+ 05 bao lúa tươi còn tại đồng, loại bao 100x60, khoảng 200kg, loại giống lúa Bắc Thịnh bị trộm cắp vào ngày 03/9/2023 có giá trị 1.300.000 đồng.

+ 05 bao lúa tươi còn tại đồng, loại bao 100x60, khoảng 200kg, loại giống lúa Bắc Thịnh bị trộm cắp vào ngày 07/9/2023 có giá trị 1.300.000 đồng.

+ 02 bao lúa khô, loại bao 100x60, khoảng 80kg, loại giống lúa Bắc Thịnh bị trộm cắp vào ngày 09/9/2023 có giá trị 655.000 đồng.

Bản Cáo trạng số: 03/CT-VKSDX ngày 20/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D đã truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng, nhưng khi thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là người chưa thành niên, nên có hạn chế nhất định trong nhận thức và điều khiển hành vi, tài sản trộm cắp đã thu hồi trả lại cho người bị hại và tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt theo như đề xuất của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo không tự bào chữa, đồng ý với luận cứ của người bào chữa, không bổ sung, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo thống nhất quan điểm bào chữa của người bào chữa.

Người bị hại không tranh luận, không yêu cầu gì thêm về phần dân sự.

Tại hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng khai nhận sự việc như đã cung cấp trong giai đoạn điều tra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện D, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, căn cứ buộc tội bị cáo: Xét lời nhận tội của bị cáo Phạm Văn T tại phiên tòa phù hợp với lời khai người bị hại; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng; kết luận định giá tài sản; vật chứng thu giữ cùng với các tài liệu, chứng cứ khác được Cơ quan điều tra chứng minh có tại hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu trong việc trông coi tài sản, vào sáng ngày 14/9/2023 bị cáo Phạm Văn T đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản là chiếc xe mô tô BKS 92F1-497.09 của bà Phạm Thị Th trị giá 16.342.000 đồng. Ngoài ra, ngày 03/9/2023 bị cáo T có hành vi lén lút trộm cắp 05 báo lúa tươi của bà Nguyễn Thị T trị giá 1.300.000 đồng, ngày 07/9/2023 bị cáo T đã có hành vi lén trộm cắp 05 báo lúa tươi của ông Nguyễn Trường M trị giá 1.300.000 đồng và ngày 09/9/2023 bị cáo T đã có hành vi lén lút trộm cắp 02 bao lúa khô của bà Võ Thị B trị giá 655.000 đồng. Tổng giá trị tài sản thiệt hại do bị cáo T trộm cắp từ ngày 03/9/2023 đến ngày 14/9/2023 là 19.598.000 đồng.

Vì vậy, hành vi và hậu quả nêu trên của bị cáo Phạm Văn T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện D truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét nội dung quan điểm người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn T, Hội đồng xét xử xem xét trong quá trình nghị án.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Do thiếu sự quan tâm, quản lý, giáo dục của gia đình nên bị cáo sớm hư hỏng đi vào con đường phạm tội. Hồ sơ vụ án thể hiện bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản đã bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã phường, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học tu dưỡng rèn luyện bản thân mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản trái pháp luật. Hành vi mà bị cáo gây ra là hết sức nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, mà còn gây ra nhiều tác hại xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương nên cần xử lý nghiêm bằng chế tài luật hình sự để bị cáo có điều kiện cải tạo, giáo dục riêng, đồng thời răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội là cần thiết.

Tuy nhiên xét thấy, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi (16 tuổi 04 tháng 04 ngày) nên có hạn chế nhất định trong việc nhận thức và điều khiển hành vi. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 91, khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo để quyết định hình phạt.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, khi phạm tội bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, đã tỏ rõ sự ăn năn hối hận, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản trộm cắp đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu và tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Hội đồng xét xử sẽ xem xét các tình tiết này để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo trộm cắp là 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen BKS 92F1-497.09 đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu bà Phạm Thị Th quản lý, sử dụng và người bị hại không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Đối với tài sản bị cáo trộm cắp của bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Trường M và bà Võ Thị B các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về vật chứng: Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Novelforce, màu xanh BKS 43S3-0444 do ông Võ V là chủ sở hữu, việc đối tượng Võ H sử dụng chở bị cáo Phạm Văn T thực hiện hành vi trộm cắp ông V không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Võ V quản lý, sử dụng là phù hợp.

[6] Về vấn đề liên quan đến vụ án: Đối với Võ H là người đã có hành vi trộm cắp tài sản cùng bị cáo Phạm Văn T của ông Nguyễn Trường M và bà Võ Thị B vào ngày 07/9/2023 và ngày 09/9/2023 nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, Công an huyện D đã xử phạt hành chính bằng thức phạt tiền 3.000.000 đồng là phù hợp.

Đối với ông Võ V là chủ sở hữu xe mô tô BKS 43S3-0444, việc đối tượng Võ H tự ý lấy xe này đi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thì ông V hoàn toàn không biết nên không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với bà Nguyễn Thị H là người đã mua 05 bao lúa tươi của bị cáo Phạm Văn T và ông Nguyễn B là người được bị cáo T thuê chở 05 bao lúa tươi đến nhà bà Nguyễn Thị H nhưng bà H và ông B không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nên không đề cập xử lý là phù hợp.

[7] Về án phí: Bị cáo Phạm Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật, do bị cáo T là người chưa thành niên và không có tài sản riêng nên bà Phạm Thị H (mẹ ruột bị cáo T) chịu trách nhiệm nộp thay cho bị cáo khoản tiền án phí nêu trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo **Phạm Văn T** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T **06 (Sáu)** tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 28/10/2023.

2. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Văn T phải chịu **200.000** đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm, do bị cáo là người chưa thành niên và không có tài sản riêng nên bà Phạm Thị H (mẹ ruột của bị cáo T) nộp thay cho bị cáo T khoản tiền án phí nêu trên.

3. Bị cáo, người bào chữa, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, người bị hại có quyền làm đơn kháng cáo gửi lên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam để xin xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (*ngày 01/02/2024*). Riêng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc từ ngày niêm yết bản sao bản án sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Chi cục THADS huyện D;
- Vụ Giám đốc kiểm tra I);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Tự Soái

